Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	80-11615-8303F		
Tên sản phẩm:	Nukote MVB Prime, Bên A		
Ngày sửa đổi:	Ngày 02 tháng 03 năm 2020	Ngày in:	Ngày 07 tháng 03 năm 2020
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote		
Địa chỉ:	2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản: CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản: CCN1217)		

Thông tin Số điện thoại:((832) 770-7100

Số Fax: (281) 227-0909

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1B

Độc tính mãn tính đối với thủy sinh - Loại 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 3

Độc tính cấp tính Da - Loại 5

Biểu tượng:



Từ tín hiệu:

Cảnh báo

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H313 - Có thể gây hại khi tiếp xúc với da

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H402 - Có hại cho sinh vật thủy sinh

H411 - Độc hại với sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương mù/hơi/bụi nước.

P272 - Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P273 - Tránh thải ra môi trường.

Machine Translated by Google

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P391 - Thu gom chất tràn.

P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

Không có tuyên bố phòng ngừa nào có sẵn.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

Độc tính cấp tính của 10% hỗn hợp chư a đư ợc biết

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng
0025085-99-8	BISPHENOL A NHỰA EPOXY	47% - 86%
0028064-14-4	Nhựa EPOXY BISPHENOL F	9% - 17%
0002461-15-6	Ethyl Hexyl Glycidyl Ether, 2-	8% - 14%
0000100-51-6	CỒN BENZYL	2% - 4%
0088917-22-0	Dipropylene Glycol Methyl Ether Acetate	1,7% - 3%

Danh tính hóa học cụ thể và/hoặc tỷ lệ phần trăm chính xác (nồng độ) của thành phần đã đư ợc giữ kín để bảo vệ tính bảo mật.

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a nạn nhân ra nơ i có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nư ớc ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm đư ợc loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó ra nơ i thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nư ớc ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nư ớc bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hư ởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 1 hoặc 2 cốc sữa hoặc nư ớc và chuyển ngư ời đó đến nhân viên y tế. Không đư a bất cứ thứ gì vào miệng ngư ời bất tỉnh.

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phư ơ ng tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nư ớc carbon dioxide hoặc sư ơ ng mù. Nên phun nư ớc để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nư ớc trên cùng một bề mặt vì nư ớc sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trư ờng hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Machine Translated by Google

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Đeo khẩu trang hoặc mặt nạ phù hợp để loại bỏ các hạt bụi bọt khi hít phải.

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc.
Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.

Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Những người mắc bệnh về đường hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lưu trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tương thích.
Bảo quản trong hộp đựng được chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng được đậy kín khi không sử dụng.
Lưu trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải được niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơi ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tương tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nước và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Machine Translated by Google

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ ngư ời lao động, cần tuân theo chư ơ ng trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tư ơ ng đư ơ ng với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Sử dụng máy trợ thở cung cấp khí quyển hoặc máy trợ thở lọc không khí để khử hơ i hữu cơ .

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí ở mức dư ới ngư ỡng giới hạn tư ơ ng ứng.

Không có hóa chất nào trong Mục 3 đư ợc quy định theo "OSHA_Tables_Z1_Z2_Z3", "OSHACarcinogen - OSHA Carcinogen", "OSHAtppm", "OSHAtmg", "OSHAsppm", "OSHAsmg", "ACGIHtppm", "ACGIHtmg", "ACGIHsppm", "ACGIHsmg", "nioshtppm", "nioshtmg", "nioshsppm", "nioshsmg", "NIOSH_chất gây ung thư ", "OSHA_SkinDesignation", "ACGIH_chất gây ung thư ", "ACGIH_TLV_Basis", "ACGIH_Notations"

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	9,35 pound/gallon
Trọng lư ợng riêng	1.12
Quy định VOC	0,47 pound/gallon
VOC Phần A & B Kết hợp	0,13 pound/gallon
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng trong suốt
Ngư ỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Không mùi
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	93 °C
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Nặng hơ n không khí
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	204 °C
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Chậm hơ n ether
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Machine Translated by Google

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra như ng amin aliphatic sẽ gây ra phản ứng trùng hợp không thể đảo ngư ợc với sự tích tụ nhiệt đáng kể.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với các vật liệu như amin, kiềm và axit. Tránh các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Tiếp xúc da nhiều lần có thể gây kích ứng dai dẳng hoặc viêm da. Cũng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng da hiện có.

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Không có dữ liệu có sẵn

Tính gây ung thư :

Không có dữ liệu có sẵn

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Tiếp xúc nhiều lần thư ờng làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Tiêu hóa: Có thể xảy ra tình trạng kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày sau khi tiêu hóa.

0000100-51-6 CỒN BENZYL

LC50 (Hít phải, chuột):>500 mg/m3; Tác động độc hại: Hành vi - buồn ngủ (hoạt động chung bị ức chế) Hành vi - mất điều hòa Phổi, Ngực hoặc Hô hấp - suy hô hấp; Tài liệu tham khảo: VCVGK* "Vrednie chemichescie veshestva, galogen I kislorod sodergashie organicheskie soedinenia". (Các chất nguy hiểm. Galogen và các chất chứa oxy), Bandman AL và cộng sự, Chimia, 1994. Tập (số)/trang/năm: -,132,1984

LD50 (Da, thỏ): 2000 mg/kg; VCVGK* "Các chất hóa học độc hại, hợp chất hữu cơ chứa halogen và oxy". (Các chất nguy hiểm. Các chất chứa halogen và oxy), Bandman AL và cộng sự, Chimia, 1994. Tập (số)/trang/năm: -,132,1984

LD50 (Đư ờng uống, chuột): 1230 mg/kg; Tác dụng độc hại: Hành vi - buồn ngủ (hoạt động trầm cảm nói chung) Hành vi - kích động Hành vi - hôn mê

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Có hại cho sinh vật dư ới nư ớc

Độc hại với sinh vật thủy sinh và có tác động lâu dài

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Machine Translated by Google

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơ ng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Không đư ợc quản lý.

Thông tin IMDG:

Số UN/NA: 3082

Tên vận chuyển hợp pháp của Liên Hợp Quốc: CHẤT NGUY HIỂM VỚI MÔI TRƯ ỜNG, DẠNG LỎNG, NOS (NHỰA EPOXY)
Mức độ nguy hiểm: 9

Nhóm đóng gói: III
Biển báo: lớp 9

Chất gây ô nhiễm biển: Có

Thông tin IATA:

Số UN/NA: 3082

Tên vận chuyển hợp pháp của Liên Hợp Quốc: CHẤT NGUY HIỂM VỚI MÔI TRƯ ỜNG, DẠNG LỎNG, NOS (NHỰA EPOXY))
Mức độ nguy hiểm: 9

Nhóm đóng gói: III
Biển báo: lớp 9

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng	Danh sách quy định
0025085-99-8	BISPHENOL A EPOXY NHỰA	47% - 86%	DSL, SARA312, TSCA
0028064-14-4	BISPHENOL F EPOXY NHỰA	9% - 17%	DSL, SARA312, TSCA
0000100-51-6	CỒN BENZYL	2% - 4%	DSL, SARA312, VOC, TSCA
0088917-22-0	Dipropylene Glycol METHYL ÊTE axetat	1,7% - 3%	DSL, SARA312, VOC, TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

Lư u ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

BẢNG THUẬT NGỮ:

Machine Translated by Google

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; CA Prop65- Đề xuất 65 của California; TDG của Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nư ớc; EC- Nồng độ tư ơ ng đư ơ ng; EH40 (Anh)- Ghi chú hư ớng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền đư ợc biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết ngư ời; LD- Liều gây chết ngư ời; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơ i nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn phơ i nhiễm ngắn hạn; TCEQ- Ủy ban chất lư ợng môi trư ờng Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngư ỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật kiểm soát chất độc hại; TWA- Giá trị có trọng số theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơ i làm việc.

Phiên bản 1.0:

Ngày sửa đổi: 02/03/2017

Phiên bản đầu tiên.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của ngư ời dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chư a biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm đư ợc mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đư a ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.